

Bản án số: 287/2026/HS-ST
Ngày 09-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Tâm;

Ông Hồng Nguyễn Anh Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026 tại Diễm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh và diễm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 367/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Quang L, sinh năm: 2003 tại tỉnh An Giang; đăng ký thường trú: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang S (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm: 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H từ ngày 21/4/2026 cho đến nay - có mặt.

Bị hại: Bà Dương Thị N1, sinh năm: 1973; đăng ký thường trú: Tổ I, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang L là đối tượng không có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định.

Khoảng đầu tháng 4/2026, **Trần Quang L** đến quán bia “B” tại đường S, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà **Dương Thị N1** làm chủ để xin làm việc, bà **N1** đồng ý. Trong thời gian làm việc, **L** thường xuyên thấy bà **N1** để 01 điện thoại Iphone 14 Plus màu tím, 01 ví tiền trên bàn. Khoảng 16 giờ ngày 18/4/2026, **L** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên tiếp cận lại gần nơi để tài sản, dùng tay trái lấy trộm điện thoại, ví tiền. Sau đó **L** lén lút đi khỏi quán bia. Khi đi được khoảng 700m, **L** vào 01 quán nước giải khát (không rõ địa chỉ, tên quán) nằm trên đường S, khu phố A, phường B để uống nước và kiểm tra tài sản trộm cắp thì phát hiện trong ví có: 01 bật lửa, 01 thỏi son, 02 lọ kem nền, 01 căn cước công dân mang tên **Dương Thị N1**, 01 giấy phép lái xe mang tên **Dương Thị N1** cùng số tiền 520.000 đồng (năm trăm hai mươi nghìn đồng). Tiếp tục kiểm tra trong ốp lưng mặt sau điện thoại có 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Sau đó, **L** đặt xe đến tiệm tóc Diễm Nhiên, địa chỉ: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để gội đầu. Sau khi gội đầu xong, **L** ra khỏi tiệm tóc, trên đường đi **L** vứt bỏ 01 ví, bật lửa, ốp lưng điện thoại, 01 thỏi son, 02 hộp kem nền vừa trộm được vào thùng rác, **L** chỉ giữ lại 01 điện thoại di động Iphone 14 Plus màu tím, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên **Dương Thị N1** cùng số tiền 620.000.000 đồng. **L** mang điện thoại Iphone 14 Plus màu tím đến một cửa hàng tại đường N (không nhớ địa chỉ cụ thể) để bán nhưng không bán được do **L** không cung cấp được mặt khẩu điện thoại.

Đến ngày 19/4/2026, **L** đặt xe Grab đến giao lộ B – Đề Thám thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì xảy ra tranh cãi với người lái xe **G**, **L** bị Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, phát hiện **L** đang giữ 01 điện thoại Iphone 14 Plus màu tím đã bị khóa màn hình nhưng **L** không cung cấp được mặt khẩu và 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên **Dương Thị N1**.

Qua làm việc **Trần Quang L** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an phường B hồ sơ, bàn giao **Trần Quang L** cùng vật chứng cho Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xác minh làm rõ.

Tang vật, tài sản thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus màu tím đã qua sử dụng của **Dương Thị N1**.
- 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên **Dương Thị N1**.
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 2020; Số Imei 1: 862435048939792, Imei 2: 862435048939784 đã qua sử dụng của **Trần Quang L**.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 28/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường B: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus màu tím, đã qua sử dụng, trị giá: 7.200.000 đồng (bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngày 19/7/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử lý vật chứng giao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus màu tím; 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe mang tên **Dương Thị N1** cho bà **Dương Thị N1**. Đồng thời giao trả 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 2020 cho **Trần Quang L**.

Đối với 01 ví tiền, bật lửa, ốp lưng điện thoại, 01 thỏi son, 02 hộp kem nền và số tiền 620.000 đồng (sáu trăm hai nghìn đồng): Bà **Dương Thị N1** không yêu cầu bị cáo trả lại.

Cáo trạng số 211/CT-VKS ngày 13/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo **Trần Quang L** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tại Cáo trạng số 211/CT-VKS ngày 13/8/2026;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, **Điều 38** Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025): Xử phạt bị cáo **Trần Quang L** từ 07 đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Bị cáo không tự bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo **Trần Quang L**: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo **Trần Quang L** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 18/4/2026, tại quán bia “**B**” tại đường **S**, khu phố **A**, phường **B**, Thành phố Hồ Chí Minh, **Trần Quang L** có hành vi lén lút lấy

trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus màu tím trị giá 7.200.000 đồng và số tiền 620.000 đồng của bà Dương Thị N1, sau đó bỏ trốn. Ngày 19/4/2026, L bị Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Cáo trạng số 211/CT-VKS ngày 13/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[3.2] Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ, đề nghị mức hình phạt là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 19/7/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử lý vật chứng giao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus màu tím; 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Thị N1 cho bà Dương Thị N1 là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 2020 của Trần Quang L, điện thoại bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên ngày 19/7/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 ví (bóp) tiền, bật lửa, ốp lưng điện thoại, 01 thỏi son, 02 hộp kem nền và số tiền 620.000 đồng: Bà **Dương Thị N1** không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025);

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, **Điều 38** của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), xử phạt bị cáo **Trần Quang L** 08 (tám) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 21/4/2026.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Trần Quang L** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân